TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DSST.
Ngày: 16-8-2024.
V/v: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Khánh.

2. Ông Y Dhiễu Hmok.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2024 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-DS, ngày 20/3/2024, về việc *"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 29/7/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1968. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Phú X, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Ksor B (tên gọi khác: Y B), sinh năm 1971, có mặt và bà Rcom Hb (tên gọi khác: Mí J), sinh năm 1968, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Buôn Tung K, xã Ea Dr, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông M là nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau nên ông M có cho vợ chồng ông Ksor B vay tiền và cà phê nhiều lần (không nhớ rõ củ thể từng lần), đến ngày 22/5/2022 hai bên cộng nợ thì vợ chồng ông Ksor B còn nợ ông M 455.000.000 đồng, vợ chồng ông Ksor B ký

giấy xác nhận nợ. Ông M đã đến đòi nợ thì ngày 07/02/2023 vợ chồng ông Ksor B trả cho ông M 20.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 435.000.000 đồng từ đó cho đến nay vợ chồng ông Ksor B không có thiện chí trả nợ, nay ông M yêu cầu vợ chồng ông Ksor B trả cho ông M 435.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông M không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ksor B và bà Rcom Hb là bị đơn trình bày:

Do vợ chồng ông Ksor B, bà Rcom Hb và ông M là chổ quen biết, làm ăn với nhau, nên từ năm 2017 vợ chồng ông Ksor B và bà Rcom Hb nhiều lần vay tiền của ông M (những lần vay không nhớ cụ thể thời gian và số tiền). Đến ngày 22/5/2022 ông M vào nhà vợ chồng ông Ksor B và bà Rcom Hb cộng cả nợ gốc và lãi suất với số tiền là 455.000.000 đồng và vợ chồng ông Ksor B ký tên xác nhận nợ số tiền trên.

Đối với số tiền trên do ông M tính lãi suất quá cao, nên ông Ksor B và bà Rcom Hb không chấp nhận.

Hiện tại vợ chồng ông Ksor B thừa nhận nợ ông M số tiền 180.000.000 đồng, ngày 07/02/2023 vợ chồng ông Ksor B đã trả cho ông M 20.000.000 đồng, nay vợ chồng ông Ksor B chỉ chấp nhận trả cho ông M 160.000.000 đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ksor B trả cho ông M số tiền nợ 435.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Trần Văn M khởi kiện ông Ksor B và bà Rcom Hb tại Tòa án và Toà án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Rcom Hb đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Rcom Hb cố tình lẩn tránh, không hợp tác, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai

chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bà Rcom Hb cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bà Rcom Hb. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung: Ông M có cho vợ chồng ông Ksor B vay tiền và cà phê nhiều lần (không nhớ rõ củ thể từng lần), đến ngày 22/5/2022 hai bên đối chiếu nợ thì vợ chồng ông Ksor B còn nợ ông M 455.000.000 đồng, vợ chồng ông Ksor B ký giấy xác nhận nợ. Ông M đến đòi nợ thì ngày 07/02/2023 vợ chồng ông Ksor B trả cho ông M 20.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 435.000.000 đồng từ đó cho đến nay vợ chồng ông Ksor B không có thiện chí trả nợ cho ông M.

Vợ chồng ông Ksor B thừa nhận chữ ký tại giấy vay tiền đề ngày 22/5/2022 là do vợ chồng ông Ksor B ký, nhưng vợ chồng ông Ksor B chỉ thừa nhận nợ ông M số tiền 180.000.000 đồng, đã trả cho ông M 20.000.000 đồng, nay vợ chồng ông Ksor B chỉ chấp nhận trả cho ông M 160.000.000 đồng. Vợ chồng ông Ksor B cho rằng tại giấy vay tiền đề ngày 22/5/2022 ông M tính cả tiền lãi suất, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, nên yêu cầu này của vợ chồng ông Ksor B không được chấp nhận.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 22/5/2022 do ông M cung cấp thì nội dung thể hiện việc vợ chồng ông Ksor B vay tiền mặt của ông M, không thể hiện việc tính lãi suất và trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Ksor B thừa nhận đó là chữ ký của vợ chồng ông Ksor B, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 07/02/2023 vợ chồng ông Ksor B trả cho ông M 20.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại 435.000.000 đồng cho đến nay vợ chồng ông Ksor B không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền đề ngày 22/5/2022 các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên đây là HĐ vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày Tòa án thông báo thụ lý vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính từ ngày thụ lý vụ án là ngày 20/3/2024 đến ngày xét

xử sơ thẩm (ngày 16/8/2024) là 04 tháng 26 ngày (146 ngày), cụ thể: [(435.000.000 đồng x 10%) x 146 ngày] : 365 ngày = 17.400.000 đồng (đã làm tròn số).

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là (435.000.000 đồng tiền gốc + 17.400.000 đồng tiền lãi) = 452.400.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận, nên ông Ksor B và bà Rcom Hb phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho ông M tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

Buộc ông Ksor B và bà Rcom Hb trả cho ông Trần Văn M 452.400.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng), trong đó 435.000.000 đồng tiền nợ gốc và 17.400.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Ksor B và bà Rcom Hb phải chịu 22.096.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Văn M 14.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, theo biên lai số AA/2023/0001402 ngày 19/3/2024.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND TX Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ